

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HS-PT
Ngày 10 - 02 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Đức và ông Hoàng Kim Khánh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 10/02/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 399/2019/TLPT-HS ngày 05/12/2019 đối với các bị cáo Dương Thị A và Lê Chí L, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2019/HS-ST ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

1. Họ và tên: **Dương Thị A** (tên gọi khác: Kim A), sinh năm 1989 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; con ông Dương Kim L và bà Hồ Thị C; bị cáo có chồng là Lê Chí L, sinh năm 1992; bị cáo có 01 con, sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 09/4/2019 đến ngày 15/4/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Lê Chí L**, sinh năm 1992 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 08/12; con ông Lê Chí L (đã chết) và bà Huỳnh Thị S; bị cáo có vợ là Dương Thị A, sinh năm 1989; bị cáo có 01 con, sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/7/2019 đến ngày 16/8/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Lê D, Trần Thị Thu H và Nguyễn Thị Diệu L1 nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 16 giờ 05 phút ngày 08/4/2019, tại nhà bà Trương Thị Th, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K bắt quả tang bà Th đang ghi số đề cho Nguyễn Văn H2, thu giữ: 01 điện thoại di động hiệu Masstel, số tiền 1.862.000 đồng, 01 tịch đề của bà Th, số tiền 40.000 đồng và 01 phôi đề trên người H2. Bà Th khai nhận hằng ngày bà ghi số đề và chuyển tịch đề cho bà Phan Thị H3.

Trong ngày 08/4/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của bà Phan Thị H3 tại thôn Xuân H, xã P, huyện K thu giữ 04 tịch đề, 01 điện thoại di động SamSung Galaxy, 01 điện thoại di động Nokia 23RM 1172 và số tiền 5.010.000 đồng; khám xét khẩn cấp nơi ở của Dương Thị A thu giữ 01 điện thoại di động Iphone XS Max và 01 điện thoại di động Oppo F5, số tiền 4.890.000 đồng, một máy tính xách tay hiệu DELL, 03 tờ giấy và một dàn máy vi tính để bàn; khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thị Diệu L1 thu giữ 08 tờ giấy, số tiền 15.717.000 đồng và 01 điện thoại di động SamSung J7 Prime; khám xét khẩn cấp người và phương tiện của Lê D thu giữ số tiền 8.560.000 đồng, 01 xe mô tô biển số 92H1-339.38, 03 điện thoại di động (Oppo A3S, Iphone 6 Plus và Nokia), 02 tờ giấy.

Quá trình điều tra xác định được:

Khoảng tháng 01/2019, Dương Thị A cùng chồng là Lê Chí L đứng ra làm chủ lô đề và ghi số đề tại nơi ở của mình là nhà của bà Huỳnh Thị S, Thôn X, xã P, huyện K.

Khi biết A và L đứng ra làm chủ lô đề, Nguyễn Thị Diệu L1, Trần Thị Thu H và Phan Thị H3 tìm đến gặp vợ chồng L xin ghi số đề rồi chuyển tịch đề đến vợ chồng L để hưởng tiền chênh lệch thì L và A đồng ý. Ban đầu L và A thỏa thuận lấy 01 điểm đài miền Trung 12.500 đồng, sau này lấy thành 12.600 đồng; 01 điểm đài miền Bắc lấy 21.000 đồng. L1 và H khi ghi đề lấy 01 điểm đài miền Trung là 13.000 đồng, lấy 01 điểm đài miền Bắc là 22.000 đồng; bà H3 khi ghi đề lấy 01 điểm đài miền Trung là 13.000 đồng, 01 điểm đài miền Bắc là 21.500 đồng. Nếu ghi lô đề theo tiền thì ghi được 10.000 đồng thì A và L lấy 7.500 đồng đối với đài miền Trung, 8.000 đồng đối với đài miền Bắc.

Hằng ngày, H ghi đề xong thì dùng điện thoại di động Nokia 1280 bên trong có sim số 0372899273 nhắn tin chuyển tịch đề đến số điện thoại 0949794109 của Dương Thị A; L1 dùng điện thoại SamSung J7 Prime bên trong có sim số 0947537589 chụp hình tịch đề rồi đăng nhập vào tài khoản Menserger có tên “UM” của L1 gửi ảnh tịch đề đến tài khoản Menserger có tên “NK” của Dương Thị A; bà H3 tự ghi số đề cho riêng mình rồi nhận thêm tịch đề của bà Th đã ghi được, sau đó tổng hợp lại thành một tịch đề chung rồi dùng điện thoại SamSung Galaxy J7 Prime bên trong có sim 0915543065 và điện thoại Nokia 23RM 1172 bên trong có sim số 0905266492 gọi điện đến số điện thoại 0949794109 của

Dương Thị A để đọc chuyển tịch đề cho A chép lại. Việc chuyển tịch đề cho A và L phải trước 17 giờ 15 phút đối với đài miền Trung, trước 18 giờ 15 phút đối với đài miền Bắc. Còn tiền ghi đề sau khi tính toán xong thì A và L thuê Lê Chí N đi lấy và giao nhận tiền trúng đề với tiền công là 3.000.000 đồng/tháng. A và L đã trả tiền công cho N 3.100.000 đồng. Đến ngày 19/02/2019, N nghỉ làm nên A và L thuê Lê D đi làm thay công việc của N từ ngày 19/02/2019 cho đến ngày 08/4/2019. D đã được trả tiền công 2 tháng là 6.000.000 đồng. Ngoài việc nhận lô đề từ H, L1 và bà H thì Dương Thị A vẫn nhận ghi số của bà Dương Thị M, khi bà M đánh đề.

Theo đó, H, L1, bà H3 bắt đầu ghi số đề từ tháng 01/2019 đến ngày 08/4/2019, cụ thể của từng người như sau:

- Đối với Trần Thị Thu H:

Từ tháng 01/2019 đến ngày 06/4/2019, do mọi dữ liệu liên quan đến việc ghi số đề H đã hủy hết nên không xác định được số tiền ghi đề, số tiền trúng đề và lợi nhuận thu được. Bản thân H xác định, trong khoảng thời gian này H thu lợi bất chính từ việc ghi số đề với số tiền 3.000.000 đồng;

Ngày 07/4/2019, H ghi số đề và chuyển tịch đề đến cho Dương Thị A với số tiền 6.296.000 đồng, tiền trúng đề là 9.650.000 đồng, tổng số tiền H đánh bạc trong ngày là 11.546.000 đồng, lợi nhuận H được hưởng là 227.000 đồng;

Ngày 08/4/2019, H ghi số đề và chuyển tịch đề đến cho Dương Thị A với số tiền 6.651.000 đồng, tiền trúng đề là 11.345.000 đồng, tổng số tiền H đánh bạc trong ngày là 17.996.000 đồng, ngày này người chơi đề chưa đưa tiền đánh đề nên H chưa có lợi nhuận.

- Đối với Nguyễn Thị Diệu L1:

Từ tháng 01/2019 đến ngày 04/4/2019, do mọi dữ liệu liên quan đến việc ghi số đề L1 đã hủy hết nên không xác định được số tiền ghi đề, số tiền trúng đề và lợi nhuận thu được. Bản thân L1 xác định trong khoảng thời gian này, L1 thu lợi bất chính từ việc ghi số đề với số tiền 1.500.000 đồng;

Ngày 05/4/2019, L1 ghi số đề cho một số người chưa xác định được lai lịch và chuyển tịch đề đến cho Dương Thị A với số tiền 2.670.000 đồng, tiền trúng đề là 2.740.000 đồng, tổng số tiền L1 đánh bạc trong ngày là 5.410.000 đồng, lợi nhuận L1 được hưởng là 166.000 đồng;

Ngày 06/4/2019, L1 ghi số đề và chuyển tịch đề đến cho Dương Thị A với số tiền 975.000 đồng, tiền trúng đề là 730.000 đồng, tổng số tiền L1 đánh bạc trong ngày là 1.705.000 đồng, lợi nhuận L1 được hưởng là 81.000 đồng;

Ngày 07/4/2019, L1 ghi số đề và chuyển tịch đề đến cho Dương Thị A với số tiền 2.441.000 đồng, tiền trúng đề là 1.830.000 đồng, tổng số tiền L1 đánh bạc trong ngày là 4.271.000 đồng, lợi nhuận L1 được hưởng là 181.000 đồng;

Ngày 08/4/2019, L1 ghi số đề tương ứng với số tiền 484.000 đồng, tiền trúng đề là 770.000 đồng, tổng số tiền L1 đánh bạc trong ngày là 1.254.000 đồng, ngày này người

chơi đề đã đưa tiền đánh đề cho L1 là 484.000 đồng nhưng L1 chưa chuyển tiền ghi đề cho A, sau đó L1 đã trả lại 484.000 đồng cho người chơi đề.

- Đối với Phan Thị H3:

Từ tháng 01/2019 đến ngày 07/4/2019, do mọi dữ liệu liên quan đến việc ghi số đề bà H3 đã hủy hết nên không xác định được số tiền ghi đề, số tiền trúng đề và lợi nhuận thu được của từng ngày. Bản thân bà H3 xác định, trong khoảng thời gian này bà H3 thu lợi bất chính từ việc ghi số đề với số tiền 2.000.000 đồng;

Ngày 08/4/2019, bà H3 ghi lô đề được số tiền 3.893.000 đồng, bà H3 chuyển tịch đề đến Dương Thị A với số tiền 1.909.000 đồng. Do bà H3 bị phát hiện việc ghi số đề trước khi có kết quả xổ số ngày 08/4/2019 nên không xác định tiền trúng đề.

- Đối với bà Trương Thị Th:

Hàng ngày bà Th ghi số đề tại quán tạp hóa ở thôn X, xã P, huyện K cho người chơi đề, đến cuối ngày bà Th chuyển tịch đề đến cho Phan Thị H3 nhờ bà H3 chuyển đến cho chủ đề. Từ tháng 3/2019 đến ngày 07/4/2019, do mọi dữ liệu liên quan đến việc ghi số đề bà Th đã hủy hết nên không xác định được số tiền ghi đề, số tiền trúng đề và lợi nhuận thu được của từng ngày. Bản thân bà Th xác định, trong khoảng thời gian này bà Th thu lợi bất chính từ việc ghi số đề với số tiền 500.000 đồng;

Ngày 08/4/2019, bà Th ghi lô đề được số tiền 2.380.000 đồng. Khi chuyển tịch đề đến cho bà H3 thì điều chỉnh lại tịch đề tương ứng với số tiền 1.574.000 đồng. H2 đã đưa cho bà Th 20.000 đồng, những người chơi còn lại chưa giao tiền cho bà Th. Do bà Th bị phát hiện việc ghi số đề trước khi có kết quả xổ số ngày 08/4/2019 nên không xác định tiền trúng đề.

- Đối với bà Dương Thị M:

Bà M là người đánh số đề trực tiếp tại chỗ của Dương Thị A với số tiền cụ thể là ngày 05/4/2019 đánh 235.000 đồng nhưng không trúng đề; ngày 06/4/2019 đánh 665.000 đồng nhưng không trúng đề; ngày 07/4/2019 đánh 50.000 đồng nhưng không trúng đề.

- Đối với Dương Thị A và Lê Chí L:

Từ tháng 01/2019 đến ngày 04/4/2019, do mọi dữ liệu liên quan đến việc ghi số đề A đã hủy hết nên không xác định được số tiền ghi đề, số tiền trúng đề và lợi nhuận thu được. Bản thân A và L xác định, trong khoảng thời gian này bị cáo A và L thu lợi bất chính từ việc ghi số đề với số tiền 6.000.000 đồng;

Ngày 05/4/2019, tổng số tiền ghi đề và thông qua người khác ghi đề là 2.905.000 đồng, tiền trúng đề là 2.740.000 đồng, tổng số tiền A và L đánh bạc trong ngày là 5.645.000 đồng. Sau khi thanh toán tiền trúng đề và lợi nhuận cho người ghi đề, A và L bị thua lỗ 1.000 đồng;

Ngày 06/4/2019, tổng số tiền ghi đề và thông qua người khác ghi đề là 1.640.000 đồng, tiền trúng đề là 730.000 đồng, tổng số tiền A và L đánh bạc trong ngày là 2.370.000

đồng. Sau khi thanh toán tiền trúng đề và lợi nhuận cho người ghi đề, A và L hưởng lợi số tiền 829.000 đồng;

Ngày 07/4/2019, tổng số tiền ghi đề và thông qua người khác ghi đề là 8.787.000 đồng, tiền trúng đề là 11.480.000 đồng, tổng số tiền A và L đánh bạc trong ngày là 20.267.000 đồng. Sau khi thanh toán tiền trúng đề và lợi nhuận cho người ghi đề, A và L bị thua lỗ số tiền 3.101.000 đồng;

Ngày 08/4/2019, tổng số tiền ghi đề là 9.044.000 đồng, tiền trúng đề là 12.115.000 đồng, tổng số tiền A và L đánh bạc trong ngày là 21.159.000 đồng. Do ngày này chưa có người ghi đề nào chuyển tiền cho A và L, các bị cáo cũng chưa thanh toán tiền trúng đề cho ai nên chưa có lợi nhuận.

Về vật chứng, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ:

- 01 điện thoại di động hiệu Masstel, số tiền 1.862.000 đồng và 01 tích đề của bà Trương Thị Th;

- Số tiền 40.000 đồng và 01 phôi đề trên người Nguyễn Văn H2;

- 04 tích đề, 01 điện thoại di động SamSung Galaxy, 01 điện thoại di động Nokia và số tiền 5.010.000 đồng của bà Phan Thị H3;

- 01 điện thoại di động Iphone XS Max, 01 điện thoại di động Oppo F5, số tiền 4.890.000 đồng, một máy tính xách tay hiệu DELL, 03 tờ giấy và một dàn máy vi tính để bàn của Dương Thị A;

- 08 tờ giấy, 01 điện thoại di động SamSung J7 Prime và số tiền 15.717.000 đồng của Nguyễn Thị Diệu L1;

- 01 điện thoại di động Oppo A3S, 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus, 01 điện thoại di động Nokia, số tiền 8.560.000 đồng, 01 xe mô tô biển kiểm soát 92H1-33938 và 02 tờ giấy A4 của Lê D;

- 01 điện thoại di động Nokia của Trần Thị Thu H.

Đối với những người thực hiện Hành vi đánh bạc nhưng chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, Công an huyện K đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 64/2019/HS-ST ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Dương Thị A, Lê Chí L, Lê D, Trần Thị Thu H, Nguyễn Thị Diệu L1 phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Dương Thị A: 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 09/4/2019 đến ngày

15/4/2019.

Xử phạt Lê Chí L: 01 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 22/7/2019 đến ngày 16/8/2019.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Trần Thị Thu H và Lê D mỗi bị cáo 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Diệu L 01 năm cải tạo không giam giữ; quyết định hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng và án phí hình sự phúc thẩm đối với các bị cáo.

Ngày 07/11/2019, các bị cáo Dương Thị A và Lê Chí L có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt, được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc hình phạt chính là phạt tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, thành khẩn khai báo về các nội dung của vụ án.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Về tội danh và điều luật áp dụng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Về mức hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Dương Thị A 01 năm 03 tháng tù là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dương Thị A, giữ nguyên mức hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm đã tuyên. Xét mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo Lê Chí L là có phần nghiêm khắc, sau khi phạm tội bị cáo đã đến cơ quan Công an để đầu thú nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo là thiếu sót; do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo xử phạt bị cáo Lê Chí L 09 tháng tù.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, đã có đủ căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm kết luận: Trong các ngày

05, 07 và 08/4/2019, Dương Thị A và Lê Chí L thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức chơi số đề, số tiền đánh bạc xác định lần lượt là 5.645.000 đồng, 20.267.000 đồng và 21.159.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người và đúng tội.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy mức hình phạt 1 năm 3 tháng tù đối với Dương Thị A, 1 năm tù đối với Lê Chí L có phần nghiêm khắc so với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội. Bởi lẽ:

Bị cáo Dương Thị A và Lê Chí L phạm tội nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra, tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền 3.727.000 đồng thu lợi bất chính từ hoạt động đánh bạc; bên cạnh đó, Dương Thị A và Lê Chí L phải nuôi con nhỏ (sinh năm 2016) thường xuyên ốm đau, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng, cần áp dụng bổ sung cho các bị cáo.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm: Bị cáo Dương Thị A xuất trình biên lai nộp số tiền 10.200.000 đồng, bị cáo Lê Chí L nộp số tiền 7.700.000 đồng là hình phạt bổ sung theo quyết định của bản án sơ thẩm, đây là tính tiết mới thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo. Ngoài ra, bị cáo Dương Thị A cung cấp sổ bệnh án thể hiện bị cáo mắc bệnh “U xơ tử cung”, cần phải nhập viện điều trị.

Xét thấy, các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù mà chuyển sang hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe các bị cáo, tạo điều kiện cho các bị cáo chăm sóc con nhỏ và chữa bệnh, đồng thời thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của chính sách pháp luật đối với người phạm tội. Xét hoàn cảnh kinh tế của các bị cáo khó khăn nên Hội đồng xét xử miễn việc khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với các bị cáo.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được Hội đồng xét xử chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm đ khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

[1] Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dương Thị A và Lê Chí L.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2019/HS-ST ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk về phần hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo **Dương Thị A**: 03 (ba) năm cải tạo không giam giữ, về tội “*Đánh bạc*”, được khấu trừ thời gian tạm giữ 7 ngày (từ ngày 09/4/2019 đến ngày 15/4/2019), tương ứng với 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo **Lê Chí L**: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, về tội “*Đánh bạc*”, được khấu trừ thời gian tạm giam 26 ngày (từ ngày 22/7/2019 đến ngày 16/8/2019), tương ứng với 02 (hai) tháng 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Dương Thị A và Lê Chí L cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục trong thời gian thi hành án. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn việc khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với các bị cáo, do các bị cáo còn nuôi con nhỏ.

[2] Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Dương Thị A và bị cáo Lê Chí L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- VP CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Năng;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Công an huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- THAHS Công an huyện K;
- Các bị cáo;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhung